

THÔNG BÁO TUYỂN SINH THẠC SĨ ĐỢT 1- NĂM 2022

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-ĐHĐĐ ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ thạc sĩ,

Căn cứ công văn số 3841/BGDĐT-GDDH ngày 12 tháng 8 năm 2022

Trường đại học Đông Đô đã được Bộ GDĐT cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đào tạo trình độ thạc sĩ với 7 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Tài chính – Ngân hàng, Quản lý công, Quản lý xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kiến trúc.

Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô thông báo tuyển sinh Thạc sĩ đợt 1 năm 2022 như sau:

1. Chuyên ngành tuyển sinh và đào tạo:

- Quản lý kinh tế
- Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Quản lý công
- Quản lý xây dựng
- Quản trị kinh doanh
- Kiến trúc

2. Đối tượng tuyển sinh và hình thức tuyển sinh:

- Đối tượng dự thi: Người đã tốt nghiệp đại học các hệ: chính quy, VLVH, từ xa, liên thông.

- Điều kiện ngoại ngữ: thí sinh đã có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Phụ

lục số 1 kèm theo thông báo này hoặc chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Thí sinh không có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ nêu trên, sẽ tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường Đại học Đông Đô phối hợp với một trong số các Trường Đại học đủ điều kiện tổ chức thi ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Những trường Đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố đủ điều kiện).

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên tuyển sinh thực hiện theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Hồ sơ dự tuyển.

- Phiếu đăng ký dự tuyển (*theo mẫu của Nhà trường*);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền;
- Bản sao có công chứng văn bằng đại học;
- Văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (nếu có);
- Giấy tờ ưu tiên tuyển sinh (nếu có);
- 04 ảnh 3x4 đã ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh mặt sau ảnh.

4. Quy định ngành đúng, ngành phù hợp.

Thí sinh đối sánh ngành đúng, ngành phù hợp theo Phụ lục số 2 đính kèm thông báo này.

Thí sinh ngành phù hợp phải học chuyển đổi bổ sung kiến thức đại học theo quy định của Nhà trường.

5. Hình thức đào tạo và văn bằng.

Nhà trường tổ chức đào tạo thạc sĩ theo hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học theo nguyện vọng của thí sinh sau khi trúng tuyển; phương thức đào tạo trực tiếp, trực tuyến và thực hành thực tế theo quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Nhà trường.

Văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp: Thạc sĩ.

6. Tiêu chí đánh giá và quy đổi điểm xét tuyển:

6.1. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Nội dung và tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Kết quả học tập ở bậc đại học (<i>Căn cứ trên bằng tốt nghiệp</i>)	
	- Xếp loại tốt nghiệp Xuất sắc	10
	- Xếp loại tốt nghiệp Giỏi	9

	- Xếp loại tốt nghiệp Khá	8
	- Xếp loại tốt nghiệp Trung bình khá, Trung bình, không xếp loại	7
2	Chuyên ngành đào tạo	
	- Đúng chuyên ngành đào tạo	10
	- Ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển <i>(Điểm trung bình chung các học phần phải học bổ sung kiến thức theo thang điểm 10)</i>	
	+ Từ 9,0 đến 10	9
	+ Từ 8,0 đến cận 9,0	8
	+ Từ 7,0 đến cận 8,0	7
	+ Từ 5,0 đến cận 7,0	6
3	Năng lực ngoại ngữ <i>(Tính điểm đối với 01 văn bằng hoặc chứng chỉ cao nhất)</i>	
	- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài	10
	- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	8
4	Nghiên cứu khoa học (điểm cộng)	
	- Bài báo đăng ở tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc Scopus có hạng Q1, Q2, Q3, Q4 theo SCImago liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) hoặc bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế có phản biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học quốc tế khác có chỉ số ISSN (kỉ yếu, tạp chí xuất bản bằng tiếng Anh).	1,00
	- Bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia có phản biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học được tính điểm (mức điểm tối thiểu từ 0,25 trở lên) theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ).	0,75
	- Bài báo đăng ở tạp chí có chỉ số ISSN, kỉ yếu hội	0,50

	nghị, hội thảo khoa học khác có phản biện liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) hoặc đề tài nghiên cứu cấp Bộ trở lên.	
5	Thời gian công tác (điểm cộng)	
	- Thời gian công tác từ 5 năm trở lên	1,00
	- Thời gian công tác từ 2 năm đến 5 năm	0,50

6.2. Quy đổi điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển

a) *Điểm xét tuyển được quy đổi như sau:*

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm Tiêu chí 1}) + (\text{Điểm Tiêu chí 2}) + (\text{Điểm Tiêu chí 3}) + (\text{Điểm Tiêu chí 4}) + (\text{Điểm Tiêu chí 5}) + (\text{Điểm đối tượng ưu tiên})$$

b) *Điểm trúng tuyển được thực hiện như sau:*

- Tổng điểm đánh giá hồ sơ phải $\geq 21,0$ điểm
- Lấy <Điểm xét tuyển> từ cao xuống thấp trong số các hồ sơ hợp lệ và đạt điểm xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu.
- Trong trường hợp các thí sinh có <Điểm xét tuyển> giống nhau, thứ tự ưu tiên xét tuyển như sau:
 - + Thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ kết quả học tập ở bậc đại học cao hơn.
 - + Thí sinh có điểm năng lực ngoại ngữ cao hơn.
 - + Thí sinh có điểm nghiên cứu khoa học cao hơn.
 - + Thí sinh có điểm kinh nghiệm công tác cao hơn.

7. Thời gian nhận hồ sơ, học chuyển đổi, ôn tập và thi tuyển sinh:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo tuyển sinh.
- Thời gian học chuyển đổi: Tháng 08/2022.
- Thời gian xét tuyển : tháng 10/2022

Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Tầng 5 – Tòa nhà Đại học Đông Đô, số 60B Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội. Điện thoại: 02437719960

Website: <http://hdiu.edu.vn/>

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng TS&HTDN (thực hiện);
- Viện SDH (thực hiện);
- Lưu VT, Viện SDH.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



TS. Đoàn Anh Tuấn

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông báo số /ĐHĐĐ-TBTS ngày / /2022)

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Trình độ tương đương bậc 3 và 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/ Thang điểm Bậc 3	Trình độ/ Thang điểm Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		Cambridge Council	ESOL Entry 3; Aptis: Nghe: 24-33 Đọc: 26-37 Nói: 26-40 Viết: 26-39	ESOL Level 1; Aptis: Nghe: 34-41 Đọc: 38-45 Nói: 41-47 Viết: 40-47
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 3 (TDN 3)	TestDaF level 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK bậc 3	HSK bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
7	Tiếng Hàn	TOPIK – Test of proficiency in Korean	TOPIK II – Level 3	TOPIK II – Level 4
8	Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương Bậc 3 hoặc Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.			

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐẠI HỌC (Ban hành kèm theo Thông báo số /ĐHĐĐ-TBTS ngày / / 2022)

I. NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

1. Ngành đúng:

Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 73404...) Quản lý công, Quản trị - Quản lý, Khoa học quản lý, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.

Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức đại học khi dự tuyển.

2. Ngành phù hợp:

a. Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 734...) Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Marketing; Quản trị kinh doanh; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 06 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Quản lý công;
- + Quản lý chiến lược trong khu vực công;
- + Quản lý tài chính công;
- + Dịch vụ công;
- + Quản lý chất lượng trong khu vực công;
- + Lý luận chung QLNN về kinh tế.

b. Ngành tốt nghiệp đại học là Các ngành không thuộc các ngành trên.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 09 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Quản lý công;
- + Quản lý chiến lược trong khu vực công;
- + Quản lý tài chính công;
- + Dịch vụ công;
- + Quản lý chất lượng trong khu vực công;
- + Lý luận chung QLNN về kinh tế;
- + Kinh tế học;
- + Lý luận HCNN;
- + Quản lý học Đại cương.

II. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Ngành đúng:

Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 73401...) Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may.

Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức đại học khi dự tuyển.

2. Ngành phù hợp:

a. **Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau:** (Mã ngành 734...) Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Quản trị - Quản lý; Khoa học quản lý; Quản lý công; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động, Quản lý dự án.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 06 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Thống kê kinh tế;
- + Quản trị tài chính;
- + Quản trị chiến lược;
- + Quản trị sản xuất;
- + Quản trị nhân lực;
- + Quản trị doanh nghiệp.

b. **Ngành tốt nghiệp đại học là:** Các ngành không thuộc các ngành trên.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 09 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Thống kê kinh tế;
- + Quản trị tài chính;
- + Quản trị chiến lược;
- + Quản trị sản xuất;
- + Quản trị nhân lực;
- + Quản trị doanh nghiệp;
- + Kế toán quản trị;
- + Quản trị chất lượng;
- + Quản trị marketing.

III. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Ngành đúng:

Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 73101...) Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số.

Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức đại học khi dự tuyển.

2. Ngành phù hợp:

a. **Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau:** (Mã ngành 731...) Khoa học chính trị, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội và nhân văn, Xã hội học, Nhân văn, Tâm lý học, Tâm lý giáo dục, Địa lý học, Khu vực học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 06 học phần (02 tín chỉ/ học phần):



- + Quản lý nhà nước về kinh tế;
- + Pháp luật kinh tế;
- + Quản trị học;
- + Thống kê kinh tế;
- + Kinh tế vĩ mô;
- + Khoa học quản lý.

b. Ngành tốt nghiệp đại học là: Các ngành không thuộc các ngành trên.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 09 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Quản lý nhà nước về kinh tế;
- + Pháp luật kinh tế;
- + Quản trị học;
- + Thống kê kinh tế;
- + Kinh tế vĩ mô;
- + Khoa học quản lý;
- + Kinh tế công cộng;
- + Kinh tế phát triển;
- + Tài chính tiền tệ.

IV. NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

1. Ngành đúng:

Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 758030...) Quản lý xây dựng, Kinh tế xây dựng.

Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức đại học khi dự tuyển.

2. Ngành phù hợp:

a. Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 7580...) Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng; Kiến trúc và quy hoạch; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị; Đô thị học.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 06 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Quản trị chiến lược;
- + Marketing xây dựng;
- + Quản trị nhân lực;
- + Đấu thầu và hợp đồng trong xây dựng;
- + Quản lý tài chính trong xây dựng;
- + Quản lý chất lượng trong xây dựng.

b. Ngành tốt nghiệp đại học là: Các ngành không thuộc các ngành trên.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 09 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Quản trị chiến lược;
- + Marketing xây dựng;
- + Quản trị nhân lực;
- + Đấu thầu và hợp đồng trong xây dựng;
- + Quản lý tài chính trong xây dựng;
- + Quản lý chất lượng trong xây dựng;
- + Kinh tế xây dựng;
- + Kỹ thuật thi công;
- + Tổ chức và quản lý thi công.

V. CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Ngành đúng:

Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 78501...): Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai.

Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức đại học khi dự tuyển.

2. Ngành phù hợp:

a. Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 78502...) Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp; Bảo hộ lao động.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 06 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Nghiên cứu thực địa và thiết kế nghiên cứu;
- + Sinh thái môi trường;
- + Luật và chính sách môi trường;
- + Độc học môi trường;
- + Biến đổi khí hậu;
- + Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học.

b. Ngành tốt nghiệp đại học là: Các ngành không thuộc các ngành trên.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 09 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Nghiên cứu thực địa và thiết kế nghiên cứu;
- + Sinh thái môi trường;
- + Luật và chính sách môi trường;
- + Độc học môi trường;
- + Biến đổi khí hậu;
- + Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học;
- + Môi trường đại cương;
- + Quản lý rủi ro môi trường;
- + Quản lý tổng hợp tài nguyên



VI. NGÀNH KIẾN TRÚC

1. Ngành đúng:

Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau (Mã ngành 75801...) Kiến trúc; Kiến trúc và quy hoạch; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị; Đô thị học.

Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức đại học khi dự tuyển.

2. Ngành phù hợp:

a. Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: (Mã ngành 7580...) Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 06 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Lịch sử kiến trúc;
- + Mỹ học;
- + Tổ hợp kiến trúc;
- + Lý thuyết sáng tác kiến trúc;
- + Lịch sử đô thị;
- + Quản lý đô thị.

c. Ngành tốt nghiệp đại học là: Các ngành không thuộc các ngành trên.

Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học tại trường trước thời hạn xét tuyển gồm 09 học phần (02 tín chỉ/ học phần):

- + Lịch sử kiến trúc;
- + Mỹ học;
- + Tổ hợp kiến trúc;
- + Lý thuyết sáng tác kiến trúc;
- + Lịch sử đô thị;
- + Quản lý đô thị;
- + Nguyên lý thiết kế nhà ở;
- + Nguyên lý thiết kế nhà công cộng và công nghiệp;
- + Quy hoạch đại cương.